

Bản án số: 47/2024/DS-ST
Ngày: 16-8-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Châm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Di
- Bà Nguyễn Thị Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

- **Đại diện Viện kiểm sát huyện Long Điền tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2024/TLST-DS ngày 09/5/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST – DS ngày 28 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2.

Trụ sở: Tòa nhà T3, số E, phố L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thạch Trung H -Chức vụ: Chuyên viên tổ tụng – Phòng Tổ tụng XLN– Trung tâm XLN2 – Khôi Xử lý và Thu hồi nợ - T3; Địa chỉ: Lầu D số C Hậu Giang, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Trần Thanh H1, sinh năm 1999; Địa chỉ: D, tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Vắng mặt.

2.2. Bà Bùi Thị T, sinh năm 2000; Địa chỉ: 2 Đ, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của người đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 tại Tòa án:

Ngày 13/05/2022, Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 (Sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 60/2022/HDBD/PKD VTU với ông Trần Thanh H1 và bà Bùi Thị T để cho bà T và ông H1 vay số tiền là: 1.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ đồng); Mục đích: Vay mua xe ô tô để thanh toán cho bên bán xe là Chi nhánh V – Công ty Cổ phần Ô; Thời hạn: 60 tháng. Ngày 07/06/2022, Ngân hàng đã giải ngân bằng hình thức chuyển khoản số tiền 1.000.000.000đ theo thỏa thuận. Ngày 26/5/2023, Ngân hàng ký “Đề nghị giải ngân” về việc thanh toán chi phí bảo hiểm vật chất xe trong trường hợp khách hàng không tự nguyện mua bảo hiểm theo quy định. Cụ thể: Số tiền cho vay là: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); Mục đích: Thanh toán phí bảo hiểm vật chất xe; Thời hạn: 6 tháng.

Theo Hợp đồng tín dụng nêu trên thì ông H1 và bà T đã vi phạm hợp đồng tín dụng kể từ ngày 15/06/2023. Tính tới thời điểm hiện tại thì ông H1, bà T đã thanh toán hàng tháng theo lịch trả nợ được tổng số tiền là 254.814.693 đồng trong đó, số tiền gốc là 183.343.735 đồng; tiền lãi là: 71.470.958 đồng.

Dư nợ của khoản vay trên tính đến ngày 16/8/2024 là 997.862.869 đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc là: 816.656.265 đồng, nợ lãi trong hạn 45.577.338 đồng; nợ lãi quá hạn là 135.629.266 đồng.

Để đảm bảo khoản vay, ông H1, bà T đã ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 60/2022/HDBD/PKD VTU ngày 13/05/2022, khách hàng đã tự nguyện thế chấp chiếc xe ô tô, hiệu FOTON THACO AUMAN ETX-D300, số khung: RNHD30FWANT058548, số máy: WP10336E431621J093970, màu xám, biển kiểm soát 72H-020.65 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016870 do Công an tỉnh B cấp ngày 06/06/2022 đứng tên TRẦN THANH HẢI.

Do ông H1, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở nhưng không nhận được thiện chí nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án:

- Buộc ông Trần Thanh H1 và bà Bùi Thị T thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 16/8/2024 là 997.862.869 đồng. Buộc ông Trần Thanh H1 và bà Bùi Thị T thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay nêu trên kể từ ngày 16/8/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, trả 1 lần ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

- Trường hợp ông H1, bà T không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của các khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trần Thanh H1 và bà Bùi Thị T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn Trần Thanh H1 và Bùi Thị T: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền phát biểu ý kiến: Trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP T2 yêu cầu ông Trần Thanh H1 và bà Bùi Thị T trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; các bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần Thanh H1 và bà Bùi Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo luật định.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không gửi văn bản nêu ý kiến hoặc phản đối trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình được pháp luật quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố Tụng dân sự, các bị đơn có ý thức không quan tâm và bỏ mặc hậu quả pháp lý có thể xảy ra do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn là ông Trần Thanh H1 và bà Bùi Thị T thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 16/8/2024 là 997.862.869 đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc là: 816.656.265 đồng, nợ lãi trong hạn 45.577.338 đồng; nợ lãi quá hạn là 135.629.266 đồng:

Căn cứ vào Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô, sổ phụ tài khoản của ông Trần Thanh H1 xác định ngày 07/6/2022 Ngân hàng đã thực hiện các số giao dịch 552ZTRF221580002 và 550CT23221581002 để chuyển cho ông H1 số tiền vay là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) với mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô. Đối chiếu với Bảng chi tiết tính lãi, Bản điều kiện và điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô do nguyên đơn cung cấp với các thỏa thuận trong hợp đồng vay xác định tính đến ngày 15/6/2023 số tiền nợ gốc ông H1 và bà T đã trả cho Ngân hàng là 183.343.735 đồng, tiền nợ gốc còn lại là 816.656.265 đồng;

tiền lãi trong hạn ông **H1**, bà **T** đã trả là 71.470.959 đồng, tiền lãi trong hạn còn nợ là 45.557.338 đồng, tiền lãi quá hạn là 135.629.266 đồng.

Xét hợp đồng vay kiêm thế chấp xe, các bên thỏa thuận về lãi suất nên phải chịu lãi suất theo sự điều chỉnh của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, việc áp dụng mức lãi suất trong hạn theo từng thời kỳ và mức lãi suất quá hạn là phù hợp với các quy định của pháp luật do đó chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông **Trần Thanh H1** và bà **Bùi Thị T** trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 16/8/2024 là 997.862.869 đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc là: 816.656.265 đồng, nợ lãi trong hạn 45.577.338 đồng; nợ lãi quá hạn là 135.629.266 đồng.

[2.2]. Xét về yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Tại hợp đồng vay kiêm thế chấp xe và có đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng tại Trung tâm đăng ký giao dịch, bảo đảm tại thành phố Hà Nội ngày 07/6/2022 là xe ô tô hiệu FOTON THACO AUMAN ETX-D300 màu xe: xám, số khung: RNHD30FWANT058548, số máy: WP10336E431621J093970, biển kiểm soát: 72H-020.65, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016870 do **Công an tỉnh B** cấp ngày 06/06/2022 đứng tên TRẦN THANH HẢI. Do ông **H1**, bà **T** vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền cho Ngân hàng nên việc Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên là có căn cứ, được chấp nhận.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông **Trần Thanh H1** và bà **Bùi Thị T** phải có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho **Ngân hàng TMCP T2** bằng các tài sản khác của ông **H1** và bà **T** cho đến khi trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, được chấp nhận.

[3]. Chi phí tố tụng: Ông **Trần Thanh H1** và bà **Bùi Thị T** phải chịu 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm ngàn đồng). **Ngân hàng TMCP T2** đã nộp tạm ứng nên ông **H1**, bà **T** phải trả lại 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm ngàn đồng) cho Ngân hàng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1]. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông **Trần Thanh H1** và bà **Bùi Thị T** phải chịu án phí.

[4.2]. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên **Ngân hàng TMCP T2** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng 2010; Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP T2**.

1.1. Buộc ông **Trần Thanh H1** và bà **Bùi Thị T** trả cho **Ngân hàng TMCP T2** tổng số tiền nợ tính đến ngày 16/8/2024 là 997.862.869đ (Chín trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi hai ngàn, tám trăm sáu mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc là 816.656.265đ (**T1** trăm mười sáu triệu, sáu trăm năm mươi sáu ngàn, hai trăm sáu mươi lăm đồng), nợ lãi trong hạn 45.577.338đ (Bốn mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi bảy ngàn, ba trăm ba mươi tám đồng); nợ lãi quá hạn là 135.629.266đ (Một trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi chín ngàn, hai trăm sáu mươi sáu đồng) và tiếp tục trả lãi kể từ ngày 16/8/2024 đến khi thanh toán xong khoản nợ và lãi suất theo hợp đồng đã ký kết.

1.2. Trường hợp ông **Trần Thanh H1** và bà **Bùi Thị T** không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền đối với **Ngân hàng TMCP T2** thì **Ngân hàng TMCP T2** có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là ô tô hiệu FOTON THACO AUMAN ETX-D300, số khung RNHD30FWANT058548; số máy WP10336E431621J093970; biển kiểm soát 72H-020.65 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016870 do **Công an tỉnh B** cấp ngày 06/06/2022 đứng tên TRẦN THANH HẢI để thu hồi nợ.

1.3. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP T2** thì ông **Trần Thanh H1** và bà **Bùi Thị T** phải có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho **Ngân hàng TMCP T2** bằng các tài sản khác của ông **H1** và bà **T** cho đến khi trả hết các khoản nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Ông **Trần Thanh H1** và bà **Bùi Thị T** phải trả cho **Ngân hàng TMCP T2** số tiền 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông **Trần Thanh H1** và bà **Bùi Thị T** phải chịu án phí là 41.935.886 (Bốn mươi một triệu, chín trăm ba mươi lăm ngàn, tám trăm tám mươi sáu đồng).

3.2. **H2** lại cho **Ngân hàng TMCP T2** số tiền 19.565.000 đồng (Mười chín triệu, năm trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004523 ngày 07/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền;
- Thi hành án dân sự huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Châm